TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM ĐÔNG** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17-6-2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Thược.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Sỹ Đét và bà Nguyễn Nhàn Khánh Phú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 29/4/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Mỹ D, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn M, xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1984.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã H2, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Số 93/26/5A đường C, phường B, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh. Anh G có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con giữa anh Nguyễn Trường G và và chị Đoàn Thị Mỹ D, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Nguyễn Trường G đề nghị Tòa án công nhận những vấn đề sau đây:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trường G và chị Đoàn Thị Mỹ D có quan hệ là vợ chồng; trước đây quen nhau, tìm hiểu khoảng 5 năm trong thời gian làm công nhân tại Khu công nghiệp Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh, sau đó được sự cho phép của hai bên gia đình tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục địa phương, rồi đăng ký kết hôn vào ngày 06/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H2, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ tại huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống; thời gian đầu cuộc sống chung hạnh phúc, nhưng không kéo dài được bao lâu thì xảy ra mâu thuẫn, cãi vã vì không hợp nhau, không đồng quan điểm, một phần do kinh tế gia đình khó khăn. Đến năm 2017 thì chị D đưa con về quê ở huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế để sinh sống; do điều kiện kinh tế khó khăn, việc đi lại xa xôi nên anh G không ra thăm vợ con được, sau đó anh có gọi điện thoại nói chị D đưa con vào lại thành phố Hồ Chí Minh để vợ chồng chung sống với nhau, nhưng chị D không đồng ý. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay được gần 06 năm nhưng anh G vẫn gọi điện thoại hỏi thăm con. Hiện nay, chị D anh G xác định tình cảm không còn nên vợ chồng cùng làm đơn thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Trường S, sinh ngày 16/4/2014. Hiện nay cháu S đang học lớp 2 và đang do chị D chăm sóc, nuôi dưỡng. Vợ chồng thống nhất giao cháu S cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; anh G có nghĩa vụ đóng tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi một tháng là 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì anh G vẫn gửi tiền ra cho chị D nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Anh Nguyễn Trường G và chị Đoàn Thị Mỹ D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con giữa anh Nguyễn Trường G và chị Đoàn Thị Mỹ D, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì chị Đoàn Thị Mỹ D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Trường G là vợ chồng, trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu và làm cùng Công ty tại Khu công nghiệp Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh khoảng 5 năm, cảm thấy hợp nhau nên xin phép hai bên gia đình tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày 06/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H2, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ tại huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống, đến năm 2014 chị D sinh cháu Nguyễn Trường S. Mỗi năm chị D có đưa con về thăm nhà nội một lần; còn anh G từ khi cưới cho đến nay không ra nhà vợ ở huyện Nam Đông lần nào.

Thời gian đầu cuộc sống chung hạnh phúc, nhưng sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, do không hợp nhau, bất đồng quan điểm và do kinh tế gia đình khó khăn. Sau khi cháu S hơn hai tuổi thì chị D đưa con về quê ngoại ở huyện Nam Đông để sinh sống, khi chị D đưa con ra quê thì anh G gọi điện thoại nói mẹ con vào lại thành phố Hồ Chí Minh nhưng chị D không đồng ý; gia đình bên nội biết chị D đưa con ra nhà ngoại nên cũng có gọi điện thoại hỏi thăm. Hiện nay, chị D xác định không còn tình cảm thương yêu anh G nữa, không muốn vợ chồng đoàn tụ và yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Trường S, sinh ngày 16/4/2014, cháu S hè này lên lớp 3 và đang sống với chị D từ nhỏ cho đến nay. Chị D và anh G thỏa thuận giao cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu S đến tuổi trưởng thành; anh G có nghĩa vụ đóng tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi một tháng 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thoả thuận chị D không yêu cầu Toà án ghi nhận.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Chị D và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Mỹ D được ly hôn với anh Nguyễn Trường G.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trường S, sinh ngày 16/4/2014 cho chị Đoàn Thị Mỹ D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thoả thuận chị D không yêu cầu Toà án ghi nhận.

+ Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị Đoàn Thị Mỹ D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Trường G và chị Đoàn Thị Mỹ D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự. Tại thời điểm nhận đơn yêu cầu và hiện nay chị Đoàn Thị Mỹ D cư trú tại Thôn M, xã HP, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế nên việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định khoản 2 Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con giữa anh Nguyễn Trường G

và chị Đoàn Thị Mỹ D thì Tòa án đã thụ lý việc dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trong thời gian chuẩn bị xét đơn yêu cầu, Tòa án triệu tập anh Nguyễn Trường G và chị Đoàn Thị Mỹ D đến Tòa án để giải quyết việc dân sự, nhưng chỉ có chị D có mặt còn anh G vắng mặt nên Tòa án đã ban hành Quyết định đình chỉ việc xét đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đối với yêu cầu của anh Nguyễn Trường G và chuyển việc dân sự thành vụ án dân sự. Xác định lại tư cách tham gia tố tụng của chị Đoàn Thị Mỹ D là nguyên đơn và anh Nguyễn Trường G là bị đơn.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Trường G vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải cũng như mở phiên họp được, nhưng sau đó anh Nguyễn Trường G có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trường G.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Trường G đăng ký kết hôn vào ngày 06/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H2, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Mỹ D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trước đây anh Nguyễn Trường G và chị Đoàn Thị Mỹ D đều thống nhất thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con là tự nguyện, nhưng sau đó anh Nguyễn Trường G không có mặt để tiến hành hòa giải và sau đó anh Nguyễn Trường G đã làm đơn xin giải quyết vắng mặt. Qua lời khai của đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do không hòa hợp về cách sống, tính tình, do kinh tế gia đình khó khăn; vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, không ai còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; chị Đoàn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Trường G không muốn đoàn tụ gia đình. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị Mỹ D được ly hôn với anh Nguyễn Trường G theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Trường S, sinh ngày 16/4/2014. Cháu Nguyễn Trường S sống với chị Đoàn Thị Mỹ D từ nhỏ cho đến nay, vợ chồng thoả thuận tiếp tục giao cháu Nguyễn Trường S cho chị Đoàn Thị Mỹ D chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thoả thuận, tại phiên toà chị D không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Chị Đoàn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Trường G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đoàn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Đoàn Thị Mỹ D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 150.000 đồng.

[8] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Mỹ D; chị Đoàn Thị Mỹ D được ly hôn anh Nguyễn Trường G.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trường S, sinh ngày 16/4/2014 cho chị Đoàn Thị Mỹ D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu S đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Trường G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Đoàn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng* mà chị Đoàn Thị Mỹ D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002593 ngày 29/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Trả lại cho chị Đoàn Thị Mỹ D số tiền tạm ứng án phí 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* mà chị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002600 ngày 16/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Đoàn Thị Mỹ D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Trường G vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- UBND xã H2, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng (Đăng ký kết hôn ngày 06/02/2014);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Minh Thược